

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
RIÊNG Q4 NĂM 2016**

Nghệ An, ngày 20 tháng 01 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý IV. 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	CUỐI KỲ	ĐẦU NĂM
1	2	3	4
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>113 894 963 688</b>	<b>44 818 210 625</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>23 947 516 825</b>	<b>9 053 838 546</b>
1. Tiền	111	23 337 516 825	9 053 838 546
2. Các khoản tương đương tiền	112	610 000 000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	129		
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>88 343 540 063</b>	<b>33 894 836 984</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	40 644 779 976	18 813 502 965
2. Trả trước cho người bán	132	10 525 416 177	11 931 157 619
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	34 566 030 651	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2 607 313 259	3 126 948 587
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		- 285 289 402
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		308 517 215
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>270 636 817</b>	<b>746 994 869</b>
1. Hàng tồn kho	141	270 636 817	1 544 573 072
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		- 797 578 203
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>1 333 269 983</b>	<b>1 122 540 226</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	354 865 538	227 657 226
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	978 404 445	861 958 215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		32 924 785
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>298 775 562 774</b>	<b>328 557 814 097</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>7 871 075 551</b>	<b>347 397 000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Phải trả người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216	7 871 075 551	347 397 000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>265 223 370 694</b>	<b>291 914 474 139</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	262 330 268 867	290 425 257 935
- Nguyên giá	222	400 408 708 733	414 149 818 637
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	- 138 078 439 866	- 123 724 560 702
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	2 893 101 827	1 489 216 204
- Nguyên giá	228	3 724 769 595	1 905 769 595
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	- 831 667 768	- 416 553 391

<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17 525 243 036</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17 525 243 036
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15 627 000 000</b>	<b>7 203 543 249</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251	15 627 000 000	7 203 543 249
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>10 054 116 529</b>	<b>11 567 156 673</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10 054 116 529	11 567 156 673
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>412 670 526 462</b>	<b>373 376 024 722</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+330)</b>	<b>300</b>	<b>159 801 237 292</b>	<b>246 523 761 735</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>87 389 728 611</b>	<b>197 248 017 735</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	59 742 400 189	108 691 569 036
2. Người mua trả tiền trước	312	2 347 033 245	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4 647 495 230	1 865 152 208
4. Phải trả người lao động	314	1 402 708 922	769 356 775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	592 267 473	62 352 923 098
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	126 223 552	6 093 086 309
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18 531 600 000	17 475 930 309
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>72 411 508 681</b>	<b>49 275 744 000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	7 534 773 666	347 397 000
4. Phải trả Nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	64 876 735 015	48 928 347 000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)</b>	<b>400</b>	<b>252 869 289 170</b>	<b>126 852 262 987</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>252 869 289 170</b>	<b>126 852 262 987</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	185 831 000 000	185 831 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	185 831 000 000	185 831 000 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		

3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	66 526 759 170	- 59 490 267 013
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	- 59 490 267 013	- 51 463 653 479
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	126 017 026 183	- 8 026 613 534
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	511 530 000	511 530 000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)</b>	<b>440</b>	<b>412,670,526,462</b>	<b>373,376,024,722</b>

Nghệ An, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người Lập bảng

KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thái Hưng*

*Trần Thị Châu*

*Trần Thị Châu*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Quý IV năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
1	2		3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	31,110,838,691	91,149,685,340
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	31,110,838,691	91,149,685,340
4. Giá vốn hàng hóa	11	VI.28	25,304,350,310	54,101,394,859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5,806,488,381	37,048,290,481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	807,134,295	919,372,230
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	(41,878,613,980)	(35,048,149,087)
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		5,441,151,410	8,007,549,157
8. Chi phí bán hàng	24		0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,448,462,137	2,413,792,688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		47,043,774,519	70,602,019,110
11. Thu nhập khác	31		19,541,439,832	63,718,050,084
12. Chi phí khác	32		0	4,542,515,141
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19,541,439,832	59,175,534,943
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		66,585,214,351	129,777,554,053
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	2,214,022,514	3,760,527,870
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		64,371,191,837	126,017,026,183
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC


**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thái Hưng*

Trần Thị Thuý

Trần Thị Thuý

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quy IV nam 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2		3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110,964,823,069	68,166,065,468
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(20,627,130,849)	(30,890,235,004)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4,076,590,723)	(5,029,846,000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(28,248,596,265)	(23,538,706,782)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	06		965,185,900	24,749,154,863
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22,123,980,222)	(35,698,725,158)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36,853,710,910</b>	<b>(2,242,292,613)</b>
<b>H. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(77,286,937,373)	(836,721,099)
dài hạn khác	22		71,991,596,415	49,242,158,585
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(52,166,030,651)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17,600,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		897,300,830	22,393,459
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(38,964,070,779)</b>	<b>48,427,830,945</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		138,104,110,518	70,495,347,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(121,100,052,812)	(110,076,069,691)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>17,004,057,706</b>	<b>(39,580,722,691)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>14,893,697,837</b>	<b>6,604,815,641</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>9,053,838,546</b>	<b>2,449,022,905</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	VII.34	<b>23,947,536,383</b>	<b>9,053,838,546</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Trần Chí Chuy

Trần Chí Chuy



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Chai Hưng

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bản Đồn Cón, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An

---

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900687702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 185.831.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm tỷ, tám trăm ba mươi một triệu đồng).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV;
- Sửa chữa thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**

Bản Đồn Cồn, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An

### **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bản Đồn Cón, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Bản Đôn Cón, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Tổ hợp thủy điện Bản Céc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06
Phương tiện vận tải	05 - 10
Tài sản khác	03 - 05

### Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định của Công ty là phần mềm kế toán, nhãn hiệu hàng hóa quốc tế và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, quyền chuyển nhượng mỏ đá, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm, quyền chuyển nhượng mỏ đá được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, tài sản cố định vô hình khác là các chi phí bỏ ra để được cấp quyền khai thác khoáng sản tại Mỏ đá Pù Càng do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp trong năm 2015 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**

Bản Đồn Cón, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa đã được trả trước. Chi phí sửa chữa công trình Thủy điện Bản Cốc được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng còn lại.

Các khoản trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**

Bản Đòn Cón, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Thuế (Tiếp theo)**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**

Bản Đòn Cốn, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An

---

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**Bản Đòn Cốn, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền****Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tiền mặt	888.574.510	292,271,465
- Tiền gửi ngân hàng	22.448.942.315	8,761,567,081
- Các khoản tương đương tiền	610.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.947.516.825</b>	<b>9,053,838,546</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	40.644.779.976	18,813,502,965
+ TCT Điện lực Miền Bắc	8.579.083.293	8,388,576,180
+ TCT XD Hà Nội		2,063,906,300
+ Cty CP PTNL Sơn Vũ	31.377.550.159	-
+ Cty CP Za Hưng	570.962.624	1,115,139,051
+ Phải thu các đối tượng khác	117.183.900	7,245,881,434
<b>Cộng</b>	<b>40.644.779.976</b>	<b>18,813,502,965</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn****Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.525.416.177	11,931,157,619
<b>Cộng</b>	<b>10.525.416.177</b>	<b>11,931,157,619</b>

**4. Phải thu cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	34.566.030.651	
<b>Cộng</b>	<b>34.566.030.651</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**Bản Đòn Cón, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Hàng tồn kho**

<b>Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	454,894,903
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	270.636.817	600,000,000
- Thành phẩm	-	489,678,169
- Hàng hóa	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Cộng</b>	<b>270.636.817</b>	<b>1,544,573,072</b>

**6. Đầu tư vào công ty con**

<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
- Cty TNHH MTV TĐ Sao Va	15.963.302.385	7,203,543,249
<b>Cộng</b>	<b>15.963.302.385</b>	<b>7,203,543,249</b>

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	354.868.538	227,657,226
- Chi phí sửa chữa TĐBC, công cụ dụng cụ dài hạn	9.751.976.416	11,062,426,408
- Chi phí trả trước dài hạn khác	302.140.113	504,730,265
<b>Cộng</b>	<b>10.054.116.529</b>	<b>11,794,813,899</b>

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

<b>Thuế GTGT phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.727.817.585	-
- Thuế thu nhập cá nhân	6.738.237	10,857,783
- Thuế tài nguyên	912.939.408	1,821,613,425
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1,811,000
- Các loại thuế khác	-	907,680
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản nộp khác	-	29,962,320
<b>Cộng</b>	<b>4.647.495.230</b>	<b>1,865,152,208</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**Bản Đòn Cón, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Chi phí phải trả**

<b>Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
- Lãi vay ngân hàng phải trả		56.893.183.872
- Lãi vay đơn vị, cá nhân phải trả	58.814.618	672,218,111
- Các khoản khác	533.452.855	4.787.521.115
<b>Cộng</b>	<b>592.267.473</b>	<b>62.352.923.098</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Prime Trung Tín	6.963.146.819	16.605.358.000
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	6.582.537.429	2.343.717.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực		9.179.087.968
Tổng Công ty Xây Dựng Lũng Lô		8.646.042.371
Phải trả cho các đối tượng khác	46.196.715.941	71.917.363.697
<b>Cộng</b>	<b>59.742.400.189</b>	<b>108.691.569.036</b>

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

<b>Các khoản vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vay nội bộ TCT Trung Sơn		48,928,347,000
- Vay dài hạn ngân hàng OCB	83.408.335.015	17,475,930,309
<b>Cộng</b>	<b>83.408.335.015</b>	<b>66,404,277,309</b>

**12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán điện	84.047.136.964	65.114.413.486
Doanh thu bán đá	904.742.610	1.588.572.728
Doanh thu hoạt động khác	6.197.805.766	312.727.273
<b>Cộng</b>	<b>91.149.685.340</b>	<b>67.015.713.273</b>

**13. Giá vốn hàng bán**

	<b>31/12/2016</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn bán điện	45.005.076.374	40.117.898.308
Giá vốn bán đá	4.298.639.860	2.130.630.745
Giá vốn hoạt động khác	5.595.256.828	302.227.273
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		797.578.203
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(797.578.203)	
<b>Cộng</b>	<b>54.101.394.859</b>	<b>43.348.334.529</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**

Bản Đòn Cón, Xã Mường Nọc,  
Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**



Thủy

Người lập biểu

Thủy

Kế toán

Lê Thái Hưng  
Tổng Giám đốc